

Bản án số: **27/2023/DS-ST**

Ngày: 10 - 05 - 2023

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Thuận**

Bà **Nguyễn Thị Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Nguyễn Viết Cường** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Tường Vi**- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 03 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 313/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S**; Địa chỉ: 266-268 NKKN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đình V, Chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ – Ngân hàng TMCP S. (*Theo Giấy ủy quyền số 537/2022/GUQ-CNSH ngày 30/12/2022*). Có mặt

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1990; Địa chỉ: K104/17 TCV, phường TT, quận TK, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 12/12/2017, ông Trần Văn L có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng

sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông L, đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 445.396.978 đồng. Lãi suất áp dụng 2,15%/tháng, kể từ ngày 15/09/2019 lãi suất 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn) và được S quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 429.162.516 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/03/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn L thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 10/5/2023 là 36.096.122 đồng (*Ba mươi sáu triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi hai đồng*). Trong đó, nợ gốc là: 23.506.226 đồng; nợ lãi quá hạn là: 12.589.896 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng ngày 12/12/2017. Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm thanh toán phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn ông Trần Văn L, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê:

- **Về thủ tục tố tụng:** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là ông Trần Văn L đã không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- **Về nội dung vụ án:** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 280, Điều 351 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 36.096.122 đồng (*Ba mươi sáu triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi hai đồng*). Trong đó, nợ gốc là: 23.506.226 đồng; nợ lãi quá hạn là: 12.589.896 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Trần Văn L là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời bị đơn cư trú tại phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ông Trần Văn L đã khởi tạo kích hoạt thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/12/2017 và ông L đồng ý bị ràng buộc bởi bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Theo đó, căn cứ thu nhập của ông L, S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 445.396.978 đồng. Lãi suất áp dụng 2,15%/tháng, kể từ ngày 15/09/2019 lãi suất 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn) và được S quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. HĐXX xét thấy các bên đã tự nguyện ký kết hợp đồng với nội dung không trái các quy định của pháp luật nên công nhận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 12/12/2017 được ký kết giữa S và ông L là hợp pháp.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L, đã thanh toán cho S số tiền 429.162.516 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/03/2022 S đã chấm dứt quyền sử

dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S, buộc ông L phải thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 10/05/2023 là 36.096.122 đồng (*Ba mươi sáu triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi hai đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 23.506.226 đồng và nợ lãi quá hạn là: 12.589.896 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 12/12/2017.

Ông L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 11/5/2023 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của S được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280, Điều 351 của Bộ luật dân sự;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Trần Văn L về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Trần Văn L phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 10/5/2023 là 36.096.122 đồng (*Ba mươi sáu triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi hai đồng*), trong đó:

Nợ gốc : 23.506.226 đồng

Nợ lãi quá hạn : 12.589.896 đồng

Ông Trần Văn L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/5/2023 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc

điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 1.804.000 đồng (*Một triệu tám trăm linh bốn nghìn đồng*) ông Trần Văn L phải chịu.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 791.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi một nghìn đồng*) cho Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai thu số 0008679 ngày 27/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thủy

